

BỘ QUỐC PHÒNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/TT-BQP Hà nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ
Quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Tư lệnh Bộ Tư lệnh 86;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về dữ liệu cá nhân, bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (sau đây viết gọn là của Bộ Quốc phòng) và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Đối với những nội dung liên quan đến dữ liệu cá nhân, bảo vệ dữ liệu cá nhân chưa quy định tại Thông tư này thì thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng gồm:

a) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ (sau đây gọi chung là quân nhân); công chức quốc phòng; viên chức quốc phòng; công nhân quốc phòng (sau đây gọi chung là công nhân viên chức quốc phòng);

b) Người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (gọi tắt là người làm việc trong tổ chức cơ yếu);

c) Dân quân, tự vệ;

d) Quân nhân dự bị;

đ) Học viên đào tạo ngành quân sự cơ sở, học viên dân sự, học viên đào tạo sĩ quan dự bị và người học khác tại học viện, nhà trường, cơ sở đào tạo thuộc Bộ Quốc phòng;

e) Công dân được huy động, trưng tập phục vụ nhiệm vụ quân sự, quốc phòng theo quy định của pháp luật;

g) Người lao động làm việc theo hợp đồng tại cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng và Ban Cơ yếu Chính phủ (sau đây gọi chung là lao động hợp đồng);

h) Cá nhân khác được cơ quan có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng quản lý hoặc giao thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng theo quy định của pháp luật.

2. Dữ liệu cá nhân cơ bản, dữ liệu cá nhân nhạy cảm là các thông tin quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

3. Dữ liệu cá nhân đặc thù quân sự, quốc phòng là dữ liệu cá nhân bao gồm các thông tin sau đây:

a) Số định danh điện tử quân nhân; số chứng minh sĩ quan; số chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng; số thẻ của học viên quân sự, hạ sĩ quan binh sĩ; số thẻ sĩ quan dự bị; số thẻ quân nhân dự bị; số giấy phép lái xe quân sự và các giấy tờ khác do Bộ Quốc phòng hoặc các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng cấp; nhập ngũ, xuất ngũ, tái ngũ;

b) Vị trí của cá nhân được xác định qua dịch vụ định vị có gắn với vị trí đóng quân, vị trí trong quá trình cơ động, di chuyển của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng khi thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, cơ yếu;

c) Các dữ liệu cá nhân phục vụ trực tiếp hoạt động quản lý, chỉ huy, điều hành, sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện, đào tạo, bảo đảm quân sự, quốc phòng của cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng;

d) Số bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế; đơn vị; nghề nghiệp; tuyển dụng; quá trình học tập, công tác, khen thưởng, kỷ luật;

đ) Dữ liệu cá nhân không thuộc quy định tại điểm a, b, c, d khoản này phát sinh trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực cơ yếu và của pháp luật khác có quy định cụ thể về trách nhiệm, nhiệm vụ của Bộ Quốc phòng (gọi tắt là dữ liệu cá nhân phát sinh trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Bộ Quốc phòng).

e) Dữ liệu cá nhân ghi nhận từ các thiết bị ghi âm, ghi hình tại các công trình quốc phòng và khu quân sự;

g) Dữ liệu cá nhân khác phát sinh trong hoạt động, thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng không thuộc quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e khoản này.

4. Hệ thống thông tin xử lý dữ liệu cá nhân là hệ thống thông tin được thiết lập để thu thập, tiếp nhận, lưu trữ, quản lý, xử lý, khai thác, chia sẻ và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, bảo vệ dữ liệu cá nhân

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định khác có liên quan.

2. Phù hợp chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng; đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc.

Điều 5. Phân loại dữ liệu cá nhân

Dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng là dữ liệu, thông tin được thể hiện dưới dạng số hoặc dưới các hình thức khác xác định hoặc giúp xác định một cá nhân cụ thể thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, bao gồm:

1. Dữ liệu cá nhân cơ bản.
2. Dữ liệu cá nhân nhạy cảm.
3. Dữ liệu cá nhân đặc thù quân sự, quốc phòng.

Chương II

HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ QUỐC PHÒNG

Mục 1

BẢO VỆ DỮ LIỆU TRONG QUÁ TRÌNH XỬ LÝ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

Điều 6. Cung cấp dữ liệu cá nhân

1. Chủ thể dữ liệu cá nhân:

a) Có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác dữ liệu cá nhân của mình cho Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân hoặc Bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật và Bộ Quốc phòng;

b) Cung cấp hoặc ủy quyền cho cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác cung cấp dữ liệu cá nhân của mình theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân đó, trừ trường hợp dữ liệu không được cung cấp theo quy định của pháp luật và Bộ Quốc phòng;

c) Các đối tượng quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều 3 Thông tư này không cung cấp, trao đổi dữ liệu cá nhân đặc thù quân sự, quốc phòng cho cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân ngoài Quân đội trái quy định của pháp luật và Bộ Quốc phòng hoặc để thực hiện giao dịch bất hợp pháp;

d) Đối tượng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 3 Thông tư này được cung cấp, trao đổi dữ liệu cá nhân cơ bản, dữ liệu cá nhân nhạy cảm và dữ liệu cá nhân đặc thù quân sự, quốc phòng quy định tại điểm d khoản 3 Điều 3 cho cơ quan, đơn vị, tổ chức cá nhân khác, trừ dữ liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước.

đ) Không được đăng tải, chia sẻ, cung cấp hoặc phát tán dữ liệu cá nhân đặc thù quân sự, quốc phòng trên mạng Internet, mạng xã hội, phương tiện thông tin đại chúng và các nền tảng số khác không đúng quy định của Bộ Quốc phòng;

e) Có quyền yêu cầu Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân cung cấp cho bản thân được xem dữ liệu cá nhân của mình, trừ dữ liệu không được cung cấp theo quy định của Bộ Quốc phòng.

2. Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân:

a) Có quyền yêu cầu chủ thể dữ liệu, cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp dữ liệu cá nhân theo thẩm quyền được giao; việc yêu cầu, tiếp nhận và xử lý dữ liệu phải bảo đảm đúng mục đích, phạm vi cần thiết và yêu cầu bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước, an ninh mạng;

b) Cung cấp dữ liệu cá nhân theo yêu cầu của chủ thể dữ liệu, phù hợp với quy định của pháp luật và Bộ Quốc phòng, trừ trường hợp dữ liệu cá nhân không được cung cấp theo quy định của pháp luật và Bộ Quốc phòng;

c) Không cung cấp, trao đổi dữ liệu cá nhân của các đối tượng quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều 3 Thông tư này cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân ngoài Quân đội trái quy định của pháp luật và Bộ Quốc phòng;

d) Được cung cấp, trao đổi dữ liệu cá nhân của đối tượng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 3 Thông tư này theo quy định pháp luật, bao gồm: Dữ liệu cá nhân cơ bản, dữ liệu cá nhân nhạy cảm, dữ liệu cá nhân đặc thù quân sự, quốc phòng quy định tại điểm d khoản 3 Điều 3, trừ dữ liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước.

3. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý theo đề nghị của Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân hoặc Bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân bảo đảm đúng quy định của pháp luật, đúng thẩm quyền được giao.

Điều 7. Chinh sửa dữ liệu cá nhân

1. Chủ thể dữ liệu cá nhân có quyền xem dữ liệu cá nhân của mình; trường hợp thông tin có thay đổi hoặc phát hiện dữ liệu không chính xác thì thông báo cho Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân để yêu cầu chỉnh sửa theo quy định của pháp luật.

2. Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra và thực hiện chỉnh sửa dữ liệu cá nhân bảo đảm tính chính xác theo thông tin dữ liệu cá nhân có thay đổi do chủ thể dữ liệu cá nhân cung cấp. Trường hợp không thể chỉnh sửa dữ liệu cá nhân vì lý do chính đáng, Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân phải thông báo để chủ thể dữ liệu cá nhân biết.

3. Bên xử lý dữ liệu cá nhân và Bên thứ ba thực hiện chỉnh sửa dữ liệu cá nhân của chủ thể dữ liệu theo yêu cầu của Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân hoặc Bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân .

4. Các cơ quan, đơn vị tổ chức rà soát, thu thập thông tin dữ liệu cá nhân thay đổi của chủ thể dữ liệu cá nhân trong phạm vi quản lý và thực hiện chỉnh sửa dữ liệu cá nhân theo thẩm quyền được giao hoặc thông báo cho cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử lý dữ liệu cá nhân để thực hiện chỉnh sửa dữ liệu cá nhân theo theo quy định của pháp luật và Bộ Quốc phòng.

Điều 8. Xóa, hủy, khử nhận dạng dữ liệu cá nhân

1. Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, Bên xử lý dữ liệu cá nhân thực hiện xóa, hủy dữ liệu cá nhân trong trường hợp sau:

a) Việc xử lý dữ liệu cá nhân là vi phạm quy định của pháp luật;

b) Đã hoàn thành mục đích xử lý dữ liệu cá nhân và việc lưu trữ dữ liệu cá nhân không còn cần thiết với hoạt động của Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, Bên xử lý dữ liệu cá nhân.

c) Dữ liệu cá nhân phải xóa theo quy định của pháp luật bảo vệ dữ liệu cá nhân và pháp luật có liên quan.

2. Việc xóa, hủy dữ liệu cá nhân phải được thực hiện bằng các biện pháp an toàn; ngăn chặn hoạt động xâm nhập, khôi phục trái phép dữ liệu cá nhân đã thực hiện xóa, hủy.

3. Cơ quan, đơn vị thực hiện khử nhận dạng dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật bảo vệ dữ liệu cá nhân; có trách nhiệm áp dụng biện pháp bảo vệ nhằm tái nhận dạng dữ liệu cá nhân và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc khử nhận dạng dữ liệu cá nhân.

Điều 9. Xử lý dữ liệu cá nhân phát sinh trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Bộ Quốc phòng

Các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng được xử lý dữ liệu cá nhân phát sinh trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Bộ Quốc phòng theo trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 19 Luật số 91/2025/QH15 hoặc trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Thông tư này.

Điều 10. Xử lý dữ liệu cá nhân ghi nhận từ thiết bị ghi âm, ghi hình tại vị trí các công trình quốc phòng và khu quân sự

Các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng được sử dụng thiết bị ghi âm, ghi hình và xử lý dữ liệu cá nhân thu thập được tại công trình quốc phòng, khu quân sự thuộc phạm vi quản lý để phục vụ nhiệm vụ quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng, khu quân sự theo quy định Điều 32 Luật số 91/2025/QH15 và Thông tư này.

Điều 11. Xử lý dữ liệu cá nhân khác

1. Việc xử lý dữ liệu cá nhân khác quy định tại điểm g khoản 3 Điều 3 Thông tư này được thực hiện theo quy định Điều 9, 10, 12, 16, 17 Luật số 91/2025/QH15 và pháp luật có liên quan.

2. Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân và Bên kiểm soát, xử lý dữ liệu cá nhân có trách nhiệm lập và quản lý hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân đối với dữ liệu quy định tại điểm g khoản 3 Điều 3 Thông tư này theo quy định tại Điều 21 Luật số 91/2025/QH15 và pháp luật có liên quan.

Điều 12. Thu thập, phân tích, tổng hợp, chuyển giao dữ liệu cá nhân

1. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân không có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và của Bộ Quốc phòng không được thu thập, phân tích, tổng hợp hoặc chuyển giao dữ liệu cá nhân đặc thù quân sự, quốc phòng quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 3 Điều 3 Thông tư này, trừ trường hợp Bộ Quốc phòng có quy định khác.

2. Việc thu thập, phân tích, tổng hợp và chuyển giao dữ liệu cá nhân quy định tại điểm g khoản 3 Điều 3 Thông tư này được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và pháp luật có liên quan.

Điều 13. Chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới

1. Việc chuyển dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng xuyên biên giới phải tuân thủ quy định của pháp luật và Bộ Quốc phòng.

2. Nghiêm cấm chuyển dữ liệu cá nhân đặc thù quân sự, quốc phòng xuyên biên giới, trừ trường hợp việc chuyển dữ liệu cá nhân đặc thù, quân sự, quốc phòng đồng thời đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Không thuộc phạm vi bí mật nhà nước, bí mật quân sự hoặc đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép theo quy định của pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước và pháp luật có liên quan;

b) Đã thực hiện việc đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới và các biện pháp bảo đảm bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật và Bộ Quốc phòng;

c) Đã được cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân của Bộ Quốc phòng thẩm định.

3. Bộ Tư lệnh 86 chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng thẩm định hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới của các cơ quan, đơn vị có hoạt động chuyển dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng xuyên biên giới. Điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới được quy định tại Điều 18, Điều 19 Nghị định 356/2025/NĐ-CP.

4. Báo cáo đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên Biên giới theo Mẫu số 01 Phụ lục kèm theo của Thông tư này.

Điều 14. Thông báo vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân

1. Khi phát hiện hành vi vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, Bên thứ ba có trách nhiệm thông báo cho Bộ Tư lệnh 86 trong thời hạn 48 giờ kể từ thời điểm phát hiện vụ việc theo Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Thông tư này; trường hợp thông báo sau 48 giờ phải nêu rõ lý do.

2. Nội dung thông báo vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân được thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 356/2025/NĐ-CP. Trường hợp tại thời điểm thông báo chưa xác định đầy đủ nội dung thông báo theo quy định thì thông báo theo từng đợt, từng giai đoạn.

3. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thông báo cho Bộ Tư lệnh 86 khi phát hiện hành vi các trường hợp sau:

- a) Phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân;
- b) Dữ liệu cá nhân bị xử lý trái quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân;
- c) Không bảo đảm hoặc thực hiện không đầy đủ quyền của chủ thể dữ liệu theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân;
- d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Mục 2

BIỆN PHÁP, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

Điều 15. Bảo đảm an ninh mạng hệ thống thông tin xử lý dữ liệu cá nhân

1. Hệ thống thông tin xử lý dữ liệu cá nhân phải áp dụng các biện pháp bảo đảm an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân phù hợp theo quy định của pháp luật và Bộ Quốc phòng; việc quản lý, vận hành hệ thống phải bảo đảm kiểm soát truy cập, quản lý rủi ro, phòng chống truy cập trái phép, lộ, mất hoặc sử dụng trái phép dữ liệu cá nhân.

2. Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân có trách nhiệm:

a) Xác định cấp độ và triển khai các biện pháp an ninh mạng tương ứng đối với hệ thống thông tin xử lý dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về an ninh mạng;

b) Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định về quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng hệ thống thông tin xử lý dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý.

3. Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, Bên xử lý dữ liệu cá nhân có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ ít nhất 01 lần trong năm hoặc khi cần thiết đối với việc chấp hành quy định về bảo đảm an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với hệ thống thông tin, thiết bị và phương tiện phục vụ xử lý dữ liệu cá nhân; thực hiện lưu trữ hồ sơ kiểm tra, đánh giá và khắc phục kịp thời các tồn tại, nguy cơ mất an toàn dữ liệu theo quy định.

Điều 16. Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong ứng dụng công nghệ số

1. Việc sử dụng dữ liệu cá nhân trong xử lý dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, chuỗi khối, vũ trụ ảo và các công nghệ số khác phục vụ nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, cơ yếu phải tuân thủ quy định của pháp luật bảo vệ dữ liệu cá nhân và Bộ Quốc phòng.

2. Dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng chỉ được sử dụng để huấn luyện, phát triển, kiểm thử, đánh giá hoặc vận hành hệ thống trí tuệ nhân tạo theo quyết định của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý dữ liệu hoặc cấp có thẩm quyền theo quy định của Bộ Quốc phòng; việc sử dụng phải bảo đảm mục đích, phạm vi sử dụng, yêu cầu bảo mật và không làm lộ, mất, thay đổi, hủy hoại, truy cập, khai thác, sử dụng hoặc chuyển giao trái pháp luật dữ liệu cá nhân.

Điều 17. Xử lý sự cố lộ, mất dữ liệu cá nhân

1. Khi phát hiện sự cố lộ, mất dữ liệu cá nhân, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm sau đây:

a) Kịp thời áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn chặn, hạn chế thiệt hại và bảo vệ dữ liệu cá nhân;

b) Bảo vệ thông tin, tài liệu, dữ liệu và chứng cứ điện tử có liên quan để phục vụ việc xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện các biện pháp xử lý ban đầu nhằm kiểm soát, cô lập, khắc phục và hạn chế nguy cơ tiếp tục xâm phạm dữ liệu cá nhân;

d) Báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Bộ Quốc phòng và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Cơ quan có thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì hoặc phối hợp với cơ quan có liên quan thực hiện xác minh, đánh giá mức độ ảnh hưởng, áp dụng biện pháp ứng phó, khắc phục hậu quả, bảo đảm dữ liệu cá nhân và đề xuất biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tái diễn.

3. Trường hợp cố lộ, mất dữ liệu cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp sự cố lộ, mất dữ liệu cá nhân có liên quan bí mật nhà nước thì thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 18. Kiểm tra, đánh giá hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân

1. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất việc bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Đối tượng kiểm tra

a) Cơ quan, đơn vị, tổ chức có hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân;

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các vụ, việc vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân;

c) Đối tượng khác theo quy định của pháp luật bảo vệ dữ liệu cá nhân.

3. Nội dung kiểm tra, đánh giá bao gồm:

a) Việc chấp hành quy định của pháp luật và quy định của Bộ Quốc phòng về bảo vệ dữ liệu cá nhân;

b) Việc quản lý, phân quyền, kiểm soát truy cập và sử dụng dữ liệu cá nhân;

c) Việc quản lý, lưu giữ nhật ký hệ thống, nhật ký truy cập và các thông tin phục vụ kiểm tra, giám sát theo quy định;

d) Việc triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân;

đ) Việc thu thập, sử dụng, cung cấp, chia sẻ, chuyển giao, lưu giữ và hủy dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật;

e) Khả năng phát hiện, ứng phó và khắc phục hành vi xâm phạm dữ liệu cá nhân hoặc nguy cơ xâm phạm dữ liệu cá nhân.

4. Việc kiểm tra, đánh giá phải bảo đảm đúng thẩm quyền, khách quan, toàn diện, không làm ảnh hưởng đến hoạt động thường xuyên của đơn vị, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng và yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước.

5. Kết quả kiểm tra, đánh giá là căn cứ để khắc phục tồn tại, hoàn thiện biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Lực lượng bảo vệ dữ liệu cá nhân

1. Bộ Tư lệnh 86 là cơ quan đầu mối, chuyên trách thực hiện hướng dẫn, kiểm tra và phối hợp bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức trực thuộc Bộ Quốc phòng có trách nhiệm phân công đầu mối, bộ phận hoặc cá nhân phụ trách thực hiện công tác bảo vệ dữ liệu cá nhân phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý; phối hợp với cơ quan chuyên trách của Bộ Quốc phòng trong quản lý, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

3. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền huy động tham gia hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật và Bộ Quốc phòng; việc huy động phải bảo đảm đúng thẩm quyền, phạm vi nhiệm vụ và yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 20. Thanh tra, kiểm tra, theo dõi, giám sát bảo vệ dữ liệu cá nhân

Thanh tra, kiểm tra, theo dõi, giám sát thi hành pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng thực hiện theo quy định của pháp luật và Thông tư này.

Điều 21. Xử lý vi phạm quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân

Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Bộ Quốc phòng; trường hợp gây thiệt hại thì phải khắc phục hậu quả và bồi thường theo quy định.

Điều 22. Kinh phí đảm bảo hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân

1. Kinh phí đảm bảo hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Việc quản lý, sử dụng kinh phí phải đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

2. Tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm tự đảm bảo kinh phí và các nguồn lực cần thiết để thực hiện hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý của mình theo quy định của pháp luật.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 23. Bộ Tổng Tham mưu

1. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền xây dựng, quản lý các hệ thống thông tin xử lý dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý và thực hiện biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Chỉ đạo Cục Cơ yếu triển khai các giải pháp bảo mật, chứng thực chữ ký số trong thực hiện bảo vệ dữ liệu cá nhân theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Điều 24. Tổng cục Chính trị

1. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền xây dựng, quản lý các hệ thống thông tin xử lý dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý và thực hiện biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của Thông tư này và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Chỉ đạo Cục Bảo vệ an ninh Quân đội chủ trì, phối hợp điều tra xác minh lộ, mất dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng; phối hợp với Bộ Tư lệnh 86 hướng dẫn các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định.

3. Chỉ đạo Cục Tuyên huấn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Điều 25. Ban Cơ yếu chính phủ

1. Tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực cơ yếu.

2. Thực hiện quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm và áp dụng các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Thanh tra Bộ Quốc phòng

Tổ chức thực hiện và hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch thanh tra của thanh tra các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc Bộ Quốc phòng về công tác bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Bộ Tư lệnh 86

1. Giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng; hướng dẫn, triển khai, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

2. Chủ trì, phối hợp nghiên cứu, xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành và chỉ đạo, tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật, quy định, quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn về bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

3. Chủ trì, phối hợp hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng triển khai thực hiện các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân; tổ chức triển khai bảo đảm an ninh mạng cho các hệ thống, phương tiện, trang bị xử lý dữ liệu cá nhân của các cơ quan, đơn vị đặt tại Trung tâm dữ liệu Bộ Quốc phòng.

4. Chủ trì, phối hợp tổ chức giám sát, thu thập, phân tích, đánh giá nhằm phát hiện và cảnh báo kịp thời tới các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân về nguy cơ, hành vi xâm phạm dữ liệu cá nhân.

5. Tiếp nhận thông báo vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân; chủ trì, phối hợp với Cục Bảo vệ an ninh Quân đội thuộc Tổng cục Chính trị và các cơ quan liên quan xử lý vi phạm, thông báo kết quả xử lý tới các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

6. Chủ trì, phối hợp nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Điều 28. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc Bộ Quốc phòng

1. Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin xử lý dữ liệu cá nhân theo mô hình tổ chức phù hợp với chức năng, nhiệm vụ hoặc hoạt động của mình.

2. Xác định, phân công hoặc chỉ định Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, Bên xử lý dữ liệu cá nhân theo tính chất, phạm vi hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân của cơ quan, đơn vị để thực hiện trách nhiệm bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật và Thông tư này.

3. Rà soát, đề xuất xây dựng, cập nhật danh mục cơ sở dữ liệu để lưu trữ, xử lý dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý.

4. Tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng, nâng cao nhận thức bảo vệ dữ liệu cá nhân cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý.

5. Chủ động phối hợp triển khai các quy định về quản lý, bảo vệ dữ liệu cá nhân tại Thông tư này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 29. Trách nhiệm của Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân

1. Chủ trì, phối hợp thực hiện các biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm bảo vệ dữ liệu cá nhân; định kỳ rà soát, đánh giá và cập nhật các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật và yêu cầu thực tiễn.

2. Ghi lại, quản lý và lưu trữ nhật ký hệ thống trong quá trình xử lý dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện việc thông báo, báo cáo và xử lý vi phạm về bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của Thông tư này.

4. Quyết định việc lựa chọn cơ quan, đơn vị, tổ chức đáp ứng yêu cầu bảo vệ dữ liệu cá nhân tham gia hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân.

5. Phối hợp với Bộ Tư lệnh 86 và các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng trong công tác bảo vệ dữ liệu cá nhân; cung cấp thông tin phục vụ hoạt động điều tra, xử lý vi phạm về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Điều 30. Trách nhiệm của Bên xử lý dữ liệu cá nhân

1. Tiếp nhận và xử lý dữ liệu cá nhân theo thỏa thuận hoặc ủy quyền của Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, bảo đảm phù hợp với mục đích, phạm vi và nội dung xử lý được giao.

2. Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Xóa, hủy hoặc hoàn trả dữ liệu cá nhân cho Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân sau khi hoàn thành việc xử lý dữ liệu cá nhân hoặc yêu cầu của Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Phối hợp với Bộ Tư lệnh 86 và các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng trong công tác bảo vệ dữ liệu cá nhân; cung cấp thông tin phục vụ hoạt động điều tra, xử lý vi phạm về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Điều 31. Trách nhiệm của Bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân

Bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các trách nhiệm quy định tại Điều 29 và Điều 30 của Thông tư này.

Điều 32. Trách nhiệm của Cá nhân

1. Chấp hành quy định của pháp luật và quy định của Bộ Quốc phòng về bảo vệ dữ liệu cá nhân; tham gia tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

2. Tự bảo vệ dữ liệu cá nhân của mình, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời dữ liệu cá nhân của mình khi có thay đổi và yêu cầu của Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật và Thông tư này; chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu cá nhân do mình cung cấp.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Hiệu lực thi hành và quy định chuyển tiếp

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng..... năm 2026 và thay thế Thông tư số 04/2025/TT-BQP ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

2. Đối với những dữ liệu cá nhân đặc thù quân sự, quốc phòng đã được Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, Bên xử lý dữ liệu cá nhân, Bên thứ 3 xử lý dữ liệu cá nhân phù hợp với quy định của pháp luật trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì các cơ quan, đơn vị, tổ chức, các nhân thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp văn bản được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 34. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, chỉ huy các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Tư lệnh Bộ Tư lệnh 86 có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nơi nhận

- Các đ/c Lãnh đạo BQP;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP;
- Lưu: VT, CCHC. Q80.

Phụ lục
DANH MỤC HỒ SƠ VÀ BIỂU MẪU
(Kèm theo Thông tư số/2026/TT-BQP ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

Mẫu số 01	Thông báo vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân
Mẫu số 02	Báo cáo đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới

BỘ QUỐC PHÒNG
[TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ]

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
VI PHẠM QUY ĐỊNH BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ QUỐC PHÒNG

Kính gửi: Bộ Tư lệnh 86.

Thực hiện quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, [Tên cơ quan, đơn vị]¹ xin gửi Bộ Tư lệnh 86 hồ sơ vi phạm dữ liệu cá nhân, như sau:

1. Thông tin về cơ quan, đơn vị

- Tên cơ, quan đơn vị:.....
- Địa chỉ cơ quan, đơn vị:
- Điện thoại:
- Chỉ huy cơ quan, đơn vị:
- Họ và tên:
- Cấp bậc:
- Chức vụ:
- Số điện thoại (quân sự, di động):

2. Mô tả hành vi vi phạm quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân

- Thời gian:
- Địa điểm:
- Hành vi:
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan:
- Các loại dữ liệu cá nhân và số lượng dữ liệu liên quan:
- Cán bộ chịu trách nhiệm bảo vệ dữ liệu cá nhân:
- Họ và tên:
- Cấp bậc:

Chức vụ:

Số điện thoại (quân sự, di động):

- Hậu quả xảy ra:

- Biện pháp áp dụng:

3. Tài liệu kèm theo

a)

b)

4. Cam kết

[Tên cơ quan, đơn vị] cam kết: Chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính hợp pháp của thông báo cùng các tài liệu kèm theo và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT. [A] Q03.

[CHỨC DANH CHỈ HUY]

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

[Đại tá Nguyễn Văn A]

¹ Tên cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc Bộ Quốc phòng.

HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG
CHUYỂN DỮ LIỆU CÁ NHÂN XUYÊN BIÊN GIỚI

PHẦN A. HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHUYỂN DỮ LIỆU CÁ NHÂN XUYÊN BIÊN GIỚI CỦA BÊN CHUYỂN					
I. THÔNG TIN CƠ BẢN CỦA BÊN CHUYỂN					
1	Tên cơ quan/đơn vị (tiếng Việt):		1a	Tên cơ quan/đơn vị (nước ngoài):	
1b	Tên tổ chức/đơn vị (viết tắt):		1c	Mã số thuế (nếu có):	
2	Địa chỉ (trụ sở chính):				
3	Điện thoại:				
4	Lĩnh vực kinh doanh có xử lý dữ liệu cá nhân (kèm theo mã ngành đăng ký kinh doanh tương ứng):				
5	Số lượng chi nhánh, văn phòng đại diện:				
6	Email:				
7	Website:				
8	Bộ phận/Nhân sự bảo vệ dữ liệu cá nhân của cơ quan, đơn vị				
8.1	Cơ quan, đơn vị cung cấp dịch vụ bảo vệ dữ liệu cá nhân (nếu có, kèm theo hợp đồng sử dụng dịch vụ):				
	Tên cơ quan:		Mã số thuế:		
	Người đại diện theo pháp luật:				
	Địa chỉ:		Điện thoại:		
	Email:		Website:		
8.2	Cá nhân cung cấp dịch vụ bảo vệ dữ liệu cá nhân (nếu có, kèm theo hợp đồng sử dụng dịch vụ):				
	TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Số điện thoại	Email
8.3	Bộ phận/nhân sự bảo vệ dữ liệu cá nhân nội bộ của cơ quan (kèm theo bản sao quyết định hoặc văn bản thể hiện việc chỉ định, phân công và giấy tờ chứng minh đáp ứng điều kiện tại Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân)				
	Tên Bộ phận:				
	Điện thoại Bộ phận:		Email Bộ phận:		
	Tên người đứng đầu Bộ phận/Tên nhân sự:		Chức vụ:		
	Điện thoại di động:		Email cá nhân:		
II. HOẠT ĐỘNG CHUYỂN DỮ LIỆU CÁ NHÂN XUYÊN BIÊN GIỚI					
1	1.1. Chuyển giao dữ liệu cá nhân thu thập, lưu trữ tại Việt Nam đến hệ thống máy chủ đặt ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ☐				
	- Tên đối tượng chủ thể dữ liệu cá nhân:		Số lượng:		
	(Ghi rõ các loại, nhóm đối tượng chủ thể dữ liệu cá nhân như khách hàng, người lao động, ứng viên... kèm theo số lượng tính đến thời điểm nộp hồ sơ)				
	1.2. Lưu trữ, xử lý dữ liệu cá nhân trên dịch vụ điện toán đám mây của nhà cung cấp dịch vụ ở nước ngoài ☐				
	- Tên đối tượng chủ thể dữ liệu cá nhân:		Số lượng:		
					
	1.3. Thu thập dữ liệu cá nhân của cá nhân sử dụng dịch vụ tại Việt Nam và chuyển đến nền tảng ở ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để tiếp tục xử lý ☐				
	- Tên đối tượng chủ thể dữ liệu cá nhân:		Số lượng:		
					
	1.4. Chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới thông qua đối tác, đại lý trung gian tại Việt Nam ☐				
	- Tên đối tượng chủ thể dữ liệu cá nhân:		Số lượng:		

	 1.5.Trường hợp khác (nêu cụ thể) ☐ - Tên đối tượng chủ thể dữ liệu cá nhân: Số lượng:	
2	Luồng chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới (nêu rõ đối tượng chủ thể, mục đích chuyển, có chuyển dữ liệu cá nhân nhạy cảm hay không và hoạt động xử lý sau khi chuyển tương ứng; mô hình hóa sơ đồ quy trình và hệ thống chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới)	
3	Loại dữ liệu cá nhân được xử lý Tổng số loại dữ liệu cá nhân cơ bản: Tổng số loại dữ liệu cá nhân nhạy cảm:	
3.1.	Dữ liệu cá nhân cơ bản (căn cứ Điều 3 Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân; tích ☒ vào loại dữ liệu cá nhân quy định)	
	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Địa chỉ liên hệ
	Tên gọi khác (nếu có)	Quốc tịch
	Ngày, tháng, năm sinh	Hình ảnh của cá nhân
	Ngày, tháng, năm chết hoặc mất tích	Số điện thoại
	Giới tính	Số định danh cá nhân
	Nơi sinh	Số hộ chiếu
	Nơi đăng ký khai sinh	Số giấy phép lái xe
	Nơi đăng ký thường trú	Số biển số xe
	Nơi đăng ký tạm trú	Tình trạng hôn nhân
	Nơi ở hiện tại	Thông tin về mối quan hệ gia đình (cha mẹ, con, vợ chồng)
	Quê quán	Thông tin về tài khoản số của cá nhân
	Các thông tin khác gắn liền với một con người cụ thể hoặc giúp xác định một con người cụ thể không thuộc các mục trên	
3.2.	Dữ liệu cá nhân nhạy cảm (căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân; tích ☒ vào loại dữ liệu cá nhân quy định)	
	Dữ liệu tiết lộ nguồn gốc chủng tộc, nguồn gốc dân tộc	Vị trí của cá nhân được xác định qua dịch vụ định vị
	Quan điểm chính trị	Thông tin tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tài khoản định danh điện tử của cá nhân
	Quan điểm tôn giáo, tín ngưỡng	Hình ảnh thẻ căn cước, thẻ căn cước công dân, chứng minh nhân dân
	Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình	Tên đăng nhập, mật khẩu truy cập của tài khoản ngân hàng
	Tình trạng sức khỏe	Thông tin thẻ ngân hàng, dữ liệu về lịch sử giao dịch của tài khoản ngân hàng
	Dữ liệu sinh trắc học, đặc điểm di truyền	Thông tin tài chính, tín dụng và các thông tin về hoạt động, lịch sử giao dịch tài chính, chứng khoán, bảo hiểm của khách hàng tại các cơ quan tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, cơ quan cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, chứng khoán, bảo hiểm, các tổ chức được phép khác

	Dữ liệu tiết lộ đời sống tình dục, xu hướng tình dục của cá nhân		Dữ liệu theo dõi hành vi, hoạt động sử dụng dịch vụ viễn thông, mạng xã hội, dịch vụ truyền thông trực tuyến và các dịch vụ khác trên không gian mạng
	Dữ liệu về tội phạm, vi phạm pháp luật được thu thập, lưu trữ bởi các cơ quan thực thi pháp luật		Dữ liệu cá nhân khác được pháp luật quy định cần giữ bí mật hoặc cần có biện pháp bảo mật chặt chẽ
3.3.	Dữ liệu cá nhân đặc thù quân sự, quốc phòng (căn cứ khoản 3 Điều 3 Thông tư số/2026/TT-BQP ngày tháng năm 2026 của Bộ Quốc phòng quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng; tích ✓ vào loại dữ liệu cá nhân quy định)		
	Số định danh điện tử quân nhân;		Giấy tờ nhập ngũ, xuất ngũ, tái ngũ
	Số chứng minh sĩ quan		Số thẻ của học viên quân sự, hạ sĩ quan binh sĩ
	Số chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng		Số giấy phép lái xe quân sự; giấy tờ khác do Bộ Quốc phòng, cơ quan chức năng thuộc Bộ Quốc phòng cấp theo thẩm quyền.
	Vị trí của cá nhân được xác định qua dịch vụ định vị có gắn với vị trí đồng quân, vị trí trong quá trình cơ động, di chuyển của các cơ quan, đơn vị trong Bộ Quốc phòng khi thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, cơ yếu		Số bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế; đơn vị; nghề nghiệp; tuyển dụng; quá trình học tập, công tác, khen thưởng, kỷ luật
	Các dữ liệu cá nhân phục vụ trực tiếp hoạt động quản lý, chỉ huy, điều hành, sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện, đào tạo, bảo đảm quân sự, quốc phòng của cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng		Dữ liệu cá nhân ghi nhận từ các thiết bị ghi âm, ghi hình tại các công trình quốc phòng và khu quân sự
	Dữ liệu cá nhân khác phát sinh trong hoạt động, thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng		Dữ liệu cá nhân phát sinh trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực cơ yếu và của pháp luật khác có quy định cụ thể về trách nhiệm, nhiệm vụ của Bộ Quốc phòng
4	Nội dung quy định về việc lưu trữ dữ liệu cá nhân (kèm theo văn bản thể hiện chính sách, quy định lưu trữ dữ liệu cá nhân)		
5	Nội dung quy định về việc xóa, hủy dữ liệu cá nhân (kèm theo văn bản thể hiện chính sách, quy định xóa, hủy dữ liệu cá nhân)		
6	Chuyển giao dữ liệu cá nhân (theo quy định tại Điều 17 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân)		
	Có ☐ / Không: ☐		
	Chuyển giao dữ liệu cá nhân có thu phí:		
	Có ☐ / Không: ☐		
7	Tham gia hoạt động giao dịch trên sàn dữ liệu:		
	Có ☐ / Không: ☐		
8	Kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân:		
	Có ☐ / Không: ☐		
	Danh mục dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân tổ chức cung cấp:		
	Dịch vụ cung cấp và vận hành hệ thống, phần mềm tự động để thay mặt Bên kiểm soát, Bên kiểm soát và xử lý tiến hành xử lý dữ liệu cá nhân		Dịch vụ phân tích và khai thác dữ liệu cá nhân, gồm: sử dụng các công cụ phân tích để tìm kiếm thông tin, xu hướng và mẫu từ dữ liệu cá nhân; áp dụng các phương pháp khai thác dữ liệu để trích xuất giá trị từ dữ liệu cá nhân, dự đoán hành vi người dùng hoặc tối ưu hóa dịch vụ

	Dịch vụ chấm điểm, xếp hạng, đánh giá mức độ tín nhiệm của chủ thể dữ liệu cá nhân		Dịch vụ mã hóa dữ liệu cá nhân trong quá trình truyền tải và lưu trữ
	Dịch vụ thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân trực tuyến từ trang web, ứng dụng, phần mềm và mạng xã hội		Dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân tự động dựa trên công nghệ dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, vũ trụ ảo
	Dịch vụ thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân qua trang web, ứng dụng, phần mềm chăm sóc sức khỏe, theo dõi sức khỏe, dịch vụ y tế		Dịch vụ nền tảng ứng dụng cung cấp dữ liệu vị trí cá nhân
	Dịch vụ thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân qua ứng dụng, phần mềm giáo dục có yếu tố giám sát như điểm danh, ghi hình, chấm điểm hành vi, nhận diện cảm xúc		
9	Biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân		
9.1	Phương án bảo đảm an toàn dữ liệu cá nhân (nêu rõ các phương án đang triển khai để bảo đảm an toàn dữ liệu cá nhân)		
9.2	Biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân (nêu rõ các biện pháp kỹ thuật, quản lý, đào tạo đã triển khai; việc áp dụng tiêu chuẩn liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân; sơ đồ thiết kế hệ thống và các biện pháp bảo vệ tương ứng)		
9.3	Kiểm tra, đánh giá an ninh mạng, an toàn hệ thống thông tin, phương tiện, thiết bị nhằm bảo vệ dữ liệu cá nhân (nêu cụ thể nội dung, đối tượng, tần suất, mục đích)		
9.4	Phương án bảo đảm an toàn dữ liệu cá nhân của Bên nhận dữ liệu cá nhân xuyên biên giới		
10	Đánh giá tuân thủ các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân (nêu cụ thể hình thức, thời điểm và kết quả đánh giá tuân thủ)		
III	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHUYỂN DỮ LIỆU CÁ NHÂN XUYÊN BIÊN GIỚI		
1	Đánh giá tổng quan tình hình, hoạt động kinh doanh có liên quan tới việc chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới (nêu rõ sự cần thiết của hoạt động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới trong lĩnh vực hoạt động của tổ chức; thực trạng xử lý dữ liệu cá nhân của tổ chức bao gồm thuận lợi và khó khăn, rủi ro trong việc chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới)		
2	Đánh giá tác động việc chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới (đánh giá theo từng nội dung cụ thể, phân tích mỗi vấn đề, bao gồm mô tả thực trạng, phân tích yêu cầu, dự kiến tình huống phát sinh, nguyên nhân, giải pháp; đánh giá tác động các giải pháp đề xuất (tích cực, tiêu cực) của từng giải pháp; kiến nghị trên cơ sở so sánh tác động tích cực, tiêu cực. Tác động được đánh giá theo phương pháp định lượng, phương pháp định tính, nêu rõ hậu quả, thiệt hại không mong muốn có khả năng xảy ra, các biện pháp giảm thiểu hoặc loại bỏ nguy cơ, tác hại đó.)		
2.1.	Tác động đến chủ thể dữ liệu: được đánh giá trên cơ sở phân tích khả năng tác động trực tiếp của việc xử lý dữ liệu cá nhân tới các quyền và lợi ích của chủ thể dữ liệu		
	1. Xác định các khía cạnh bị tác động và vấn đề		
	2. Mục tiêu giải quyết vấn đề		
	3. Các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân đã áp dụng và đề xuất để giải quyết vấn đề		
	4. Đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của biện pháp và các đối tượng khác có liên quan		
	5. Kiến nghị biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân lựa chọn		
2.2	Tác động đến an ninh, an toàn thông tin hệ thống của tổ chức: được đánh giá dựa trên khả năng ảnh hưởng trực tiếp của hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân tới mức độ bảo mật, toàn vẹn và khả năng sẵn sàng		

	của hệ thống thông tin. Việc đánh giá tập trung vào các yếu tố liên quan đến nguy cơ lộ lọt, truy cập trái phép, thay đổi trái phép dữ liệu, gián đoạn vận hành hệ thống, mức độ đáp ứng của các biện pháp kỹ thuật hiện hữu và khả năng phát sinh lỗ hổng bảo mật trong quá trình xử lý dữ liệu.					
	1. Xác định các khía cạnh tác động và vấn đề					
	2. Mục tiêu giải quyết vấn đề					
	3. Các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân đã áp dụng và đề xuất để giải quyết vấn đề					
	4. Đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của biện pháp và các đối tượng khác có liên quan					
	5. Kiến nghị biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân lựa chọn					
2.3	Tác động đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội: đánh giá trong trường hợp xử lý và chuyển dữ liệu cá nhân cơ bản của trên 100.000 chủ thẻ dữ liệu hoặc xử lý dữ liệu cá nhân nhạy cảm của trên 10.000 chủ thẻ dữ liệu. Việc đánh giá tập trung vào các yếu tố liên quan đến việc chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới với số lượng lớn có thể gây ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân tương ứng.					
	1. Xác định các khía cạnh tác động và vấn đề					
	2. Mục tiêu giải quyết vấn đề					
	3. Các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân đã áp dụng và đề xuất để giải quyết vấn đề					
	4. Đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của biện pháp và các đối tượng khác có liên quan					
	5. Kiến nghị biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân lựa chọn					
3	Đánh giá mức độ bảo vệ dữ liệu cá nhân của Bên nhận dữ liệu cá nhân					
3.1	Cách thức xử lý và lưu trữ dữ liệu của Bên nhận dữ liệu cá nhân (nêu rõ với từng luồng xử lý dữ liệu)					
3.2	Phương án bảo đảm an toàn dữ liệu cá nhân của Bên nhận dữ liệu cá nhân (nêu rõ các phương án đang triển khai để bảo đảm an toàn dữ liệu cá nhân)					
3.3	Các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân của Bên nhận dữ liệu cá nhân (nêu rõ các biện pháp kỹ thuật, quản lý, đào tạo được triển khai; việc áp dụng tiêu chuẩn liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân)					
3.4	Đánh giá cách thức xử lý và lưu trữ, phương án bảo đảm và các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân của Bên nhận dữ liệu cá nhân (đánh giá mức độ đầy đủ, phù hợp và hiệu quả của cách thức xử lý, phương án bảo đảm an toàn dữ liệu cá nhân và các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân đã triển khai; mức độ đáp ứng yêu cầu bảo vệ dữ liệu cá nhân theo pháp luật Việt Nam; khả năng phòng ngừa, phát hiện và ứng phó rủi ro, sự cố vi phạm dữ liệu cá nhân; nhận định rủi ro còn tồn tại và đề xuất biện pháp bổ sung, khắc phục nếu có)					
IV	PHỤ LỤC (Liệt kê danh sách tên các tài liệu, chính sách, quy trình, quy định, biểu mẫu kèm theo hồ sơ khai này)					
PHẦN B. THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG HOẠT ĐỘNG CHUYỂN DỮ LIỆU CÁ NHÂN XUYÊN BIÊN GIỚI						
I. THÔNG TIN CỦA BÊN THAY MẶT BÊN CHUYỂN THỰC HIỆN CHUYỂN DỮ LIỆU CÁ NHÂN XUYÊN BIÊN GIỚI (Kê khai trong trường hợp thỏa thuận cho bên khác trực tiếp chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới)						
STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mã số thuế	Thông tin Bộ phận/ Nhân sự bảo vệ dữ liệu cá nhân	Hợp đồng/ Thỏa thuận chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới (Số, ngày tháng năm)	Dịch vụ hợp tác	Ghi chú (Lý do, nội dung giải thích)

II. THÔNG TIN CỦA BÊN NHẬN DỮ LIỆU CÁ NHÂN XUYÊN BIÊN GIỚI *(Kê khai phù hợp với mối quan hệ trong hoạt động chuyển và nhận dữ liệu cá nhân)*

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mã số thuế	Thông tin Bộ phận/ Nhân sự bảo vệ dữ liệu cá nhân	Hợp đồng/ Thỏa thuận chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới <i>(Số, ngày tháng năm)</i>	Dịch vụ hợp tác	Ghi chú <i>(Lý do, nội dung giải thích)</i>

III. THÔNG TIN CỦA BÊN KHÁC *(Các bên khác có liên quan trong hoạt động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới)*

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mã số thuế	Thông tin Bộ phận/ Nhân sự bảo vệ dữ liệu cá nhân	Hợp đồng/ Thỏa thuận có liên quan <i>(Số, ngày tháng năm)</i>	Dịch vụ hợp tác	Ghi chú <i>(Lý do, nội dung giải thích)</i>

HỒ SƠ
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XỬ LÝ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

PHẦN A. HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XỬ LÝ DỮ LIỆU CÁ NHÂN CỦA BÊN NỘP HỒ SƠ				
I. THÔNG TIN CƠ BẢN CỦA BÊN NỘP HỒ SƠ				
1	Tên tổ chức/cá nhân (tiếng Việt):	1a	Tên tổ chức/cá nhân (nước ngoài):	
1b	Tên tổ chức/cá nhân (viết tắt):	1c	Mã số thuế:	
2	Địa chỉ (trụ sở chính):			
3	Điện thoại:			
4	Lĩnh vực kinh doanh có xử lý dữ liệu cá nhân (kèm theo mã ngành đăng ký kinh doanh tương ứng):			
5	Số lượng chi nhánh, văn phòng đại diện:			
6	Email:			
7	Website:			
8	Bộ phận/Nhân sự bảo vệ dữ liệu cá nhân của tổ chức, cá nhân			
8.1	Tổ chức cung cấp dịch vụ bảo vệ dữ liệu cá nhân (nếu có, kèm theo hợp đồng sử dụng dịch vụ):			
	Tên tổ chức:	Mã số thuế:		
	Người đại diện theo pháp luật:			
	Địa chỉ:	Điện thoại:		
	Email:	Website:		
8.2	Cá nhân cung cấp dịch vụ bảo vệ dữ liệu cá nhân (nếu có, kèm theo hợp đồng sử dụng dịch vụ):			
	TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Số điện thoại
8.3	Bộ phận/ nhân sự bảo vệ dữ liệu cá nhân nội bộ của tổ chức (kèm theo bản sao quyết định hoặc văn bản thể hiện việc chỉ định, phân công)			
	Tên Bộ phận:		Email Bộ phận:	
	Điện thoại Bộ phận:		Chức vụ:	
	Tên người đứng đầu Bộ phận/ Tên nhân sự:		Email cá nhân:	
	Điện thoại di động:			
II.	HOẠT ĐỘNG XỬ LÝ DỮ LIỆU CÁ NHÂN			
1	Xác định vai trò xử lý dữ liệu cá nhân của bên kê khai hồ sơ			
	1.1. Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân ☐			
	-Tên đối tượng chủ thể dữ liệu cá nhân:		Số lượng:	
	-Tên đối tượng chủ thể dữ liệu cá nhân:		Số lượng:	
	(Ghi rõ các loại đối tượng chủ thể như khách hàng, người lao động, ứng viên... kèm theo số lượng tính đến thời điểm nộp hồ sơ)			
	1.2. Bên xử lý dữ liệu cá nhân ☐			
	-Tên đối tượng chủ thể dữ liệu cá nhân:		Số lượng:	
	-Tên đối tượng chủ thể dữ liệu cá nhân:		Số lượng:	
	1.3. Bên thứ ba ☐			
	-Tên đối tượng chủ thể dữ liệu cá nhân:		Số lượng:	
	-Tên đối tượng chủ thể dữ liệu cá nhân:		Số lượng:	
2	Luồng xử lý dữ liệu cá nhân theo vai trò (nêu rõ đối tượng chủ thể, mục đích xử lý, loại dữ liệu cá nhân cơ bản/ dữ liệu cá nhân nhạy cảm được xử lý và hoạt động xử lý tương ứng; mô hình hóa sơ đồ quy trình và hệ thống xử lý dữ liệu cá nhân)			
	1.1. Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân			
	1.2. Bên xử lý dữ liệu cá nhân			

	1.3. Bên thứ ba	
3	Loại dữ liệu cá nhân được xử lý Tổng số loại dữ liệu cá nhân cơ bản: Tổng số loại dữ liệu cá nhân nhạy cảm:	
3.1.	Dữ liệu cá nhân cơ bản (căn cứ Điều 3 Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân; tích ✓ vào loại dữ liệu cá nhân quy định)	
	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Địa chỉ liên hệ
	Tên gọi khác (nếu có)	Quốc tịch
	Ngày, tháng, năm sinh	Hình ảnh của cá nhân
	Ngày, tháng, năm chết hoặc mất tích	Số điện thoại
	Giới tính	Số định danh cá nhân
	Nơi sinh	Số hộ chiếu
	Nơi đăng ký khai sinh	Số giấy phép lái xe
	Nơi đăng ký thường trú	Số biển số xe
	Nơi đăng ký tạm trú	Tình trạng hôn nhân
	Nơi ở hiện tại	Thông tin về mối quan hệ gia đình (cha mẹ, con, vợ chồng)
	Quê quán	Thông tin về tài khoản số của cá nhân
	Các thông tin khác gắn liền với một con người cụ thể hoặc giúp xác định một con người cụ thể không thuộc các mục trên	
3.2.	Dữ liệu cá nhân nhạy cảm (căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân; tích ✓ vào loại dữ liệu cá nhân quy định)	
	Dữ liệu tiết lộ nguồn gốc chủng tộc, nguồn gốc dân tộc	Vị trí của cá nhân được xác định qua dịch vụ định vị
	Quan điểm chính trị	Thông tin tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tài khoản định danh điện tử của cá nhân
	Quan điểm tôn giáo, tín ngưỡng	Hình ảnh thẻ căn cước, thẻ căn cước công dân, chứng minh nhân dân
	Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình	Tên đăng nhập, mật khẩu truy cập của tài khoản ngân hàng
	Tình trạng sức khỏe	Thông tin thẻ ngân hàng, dữ liệu về lịch sử giao dịch của tài khoản ngân hàng
	Dữ liệu sinh trắc học, đặc điểm di truyền	Thông tin tài chính, tín dụng và các thông tin về hoạt động, lịch sử giao dịch tài chính, chứng khoán, bảo hiểm của khách hàng tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, chứng khoán, bảo hiểm, các tổ chức được phép khác
	Dữ liệu tiết lộ đời sống tình dục, xu hướng tình dục của cá nhân	Dữ liệu theo dõi hành vi, hoạt động sử dụng dịch vụ viễn thông, mạng xã hội, dịch vụ truyền thông trực tuyến và các dịch vụ khác trên không gian mạng
	Dữ liệu về tội phạm, vi phạm pháp luật được thu thập, lưu trữ bởi các cơ quan thực thi pháp luật	Vị trí của cá nhân được xác định qua dịch vụ định vị

	Dữ liệu tiết lộ nguồn gốc chủng tộc, nguồn gốc dân tộc		Dữ liệu cá nhân khác được pháp luật quy định cần giữ bí mật hoặc cần có biện pháp bảo mật chặt chẽ
4	Sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân (mô tả cụ thể nội dung, hình thức, quy trình xin sự đồng ý của từng đối tượng chủ thể dữ liệu và kèm theo biểu mẫu liên quan)		
5	Nội dung quy định về việc lưu trữ dữ liệu cá nhân (kèm theo văn bản thể hiện chính sách, quy định lưu trữ dữ liệu cá nhân)		
6	Nội dung quy định về việc xóa, hủy dữ liệu cá nhân (kèm theo văn bản thể hiện chính sách, quy định xóa, hủy dữ liệu cá nhân)		
7	Chuyển giao dữ liệu cá nhân (theo quy định tại Điều 17 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân)		
	Có ☐ / Không: ☐		
	Chuyển giao dữ liệu cá nhân có thu phí:		
	Có ☐ / Không: ☐		
8	Tham gia hoạt động giao dịch trên sàn dữ liệu:		
	Có ☐ / Không: ☐		
9	Kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân:		
	Có ☐ / Không: ☐		
	Danh mục dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân tổ chức cung cấp:		
	Dịch vụ cung cấp và vận hành hệ thống, phần mềm tự động để thay mặt Bên kiểm soát, Bên kiểm soát và xử lý tiến hành xử lý dữ liệu cá nhân		Dịch vụ phân tích và khai thác dữ liệu cá nhân, gồm: sử dụng các công cụ phân tích để tìm kiếm thông tin, xu hướng và mẫu từ dữ liệu cá nhân; áp dụng các phương pháp khai thác dữ liệu để trích xuất giá trị từ dữ liệu cá nhân, dự đoán hành vi người dùng hoặc tối ưu hóa dịch vụ
	Dịch vụ chấm điểm, xếp hạng, đánh giá mức độ tín nhiệm của chủ thể dữ liệu cá nhân		Dịch vụ mã hóa dữ liệu cá nhân trong quá trình truyền tải và lưu trữ
	Dịch vụ thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân trực tuyến từ trang web, ứng dụng, phần mềm và mạng xã hội		Dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân tự động dựa trên công nghệ dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, vũ trụ ảo
	Dịch vụ thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân qua trang web, ứng dụng, phần mềm chăm sóc sức khỏe, theo dõi sức khỏe, dịch vụ y tế		Dịch vụ nền tảng ứng dụng cung cấp dữ liệu vị trí cá nhân
	Dịch vụ thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân qua ứng dụng, phần mềm giáo dục có yếu tố giám sát như điểm danh, ghi hình, chấm điểm hành vi, nhận diện cảm xúc		
10	Chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới		
	Có ☐ / Không: ☐		
11	Biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân		
11.1	Phương án bảo đảm an toàn dữ liệu cá nhân (nêu rõ các phương án đang triển khai để bảo đảm an toàn dữ liệu cá nhân)		
11.2	Biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân (nêu rõ các biện pháp kỹ thuật, quản lý, đào tạo đã triển khai; việc áp dụng tiêu chuẩn liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân; sơ đồ thiết kế hệ thống và các biện pháp bảo vệ tương ứng)		

11.3	Kiểm tra, đánh giá an ninh mạng, an toàn hệ thống thông tin, phương tiện, thiết bị nhằm bảo vệ dữ liệu cá nhân (nêu cụ thể nội dung, đối tượng, tần suất, mục đích)
12	Đánh giá tuân thủ các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân (nêu cụ thể hình thức, thời điểm và kết quả đánh giá tuân thủ)
III	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XỬ LÝ DỮ LIỆU CÁ NHÂN
1	Đánh giá tổng quan tình hình, hoạt động kinh doanh có liên quan tới việc thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân (nêu rõ sự cần thiết của hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực hoạt động của tổ chức; thực trạng xử lý dữ liệu cá nhân của tổ chức bao gồm thuận lợi và khó khăn, rủi ro trong việc xử lý dữ liệu cá nhân)
2	Đánh giá tác động việc xử lý dữ liệu cá nhân (đánh giá theo từng nội dung cụ thể, phân tích mỗi vấn đề, bao gồm mô tả thực trạng, phân tích yêu cầu, dự kiến tình huống phát sinh, nguyên nhân, giải pháp; đánh giá tác động các giải pháp đề xuất (tích cực, tiêu cực) của từng giải pháp; kiến nghị trên cơ sở so sánh tác động tích cực, tiêu cực. Tác động được đánh giá theo phương pháp định lượng, phương pháp định tính, nêu rõ hậu quả, thiệt hại không mong muốn có khả năng xảy ra, các biện pháp giảm thiểu hoặc loại bỏ nguy cơ, tác hại đó.)
2.1.	Tác động đến chủ thể dữ liệu: được đánh giá trên cơ sở phân tích khả năng tác động trực tiếp của việc xử lý dữ liệu cá nhân tới các quyền và lợi ích của chủ thể dữ liệu
	1. Xác định các khía cạnh bị tác động và vấn đề
	2. Mục tiêu giải quyết vấn đề
	3. Các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân đã áp dụng và đề xuất để giải quyết vấn đề
	4. Đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của biện pháp và các đối tượng khác có liên quan
	5. Kiến nghị biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân lựa chọn
2.2	Tác động đến an ninh, an toàn thông tin hệ thống của tổ chức: được đánh giá dựa trên khả năng ảnh hưởng trực tiếp của hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân tới mức độ bảo mật, toàn vẹn và khả năng sẵn sàng của hệ thống thông tin. Việc đánh giá tập trung vào các yếu tố liên quan đến nguy cơ lộ lọt, truy cập trái phép, thay đổi trái phép dữ liệu, gián đoạn vận hành hệ thống, mức độ đáp ứng của các biện pháp kỹ thuật hiện hữu và khả năng phát sinh lỗ hổng bảo mật trong quá trình xử lý dữ liệu.
	1. Xác định các khía cạnh tác động và vấn đề
	2. Mục tiêu giải quyết vấn đề
	3. Các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân đã áp dụng và đề xuất để giải quyết vấn đề
	4. Đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của biện pháp và các đối tượng khác có liên quan
	5. Kiến nghị biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân lựa chọn
2.3	Tác động đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội: đánh giá trong trường hợp xử lý dữ liệu cá nhân cơ bản của trên 100.000 chủ thể dữ liệu hoặc xử lý dữ liệu cá nhân nhạy cảm của trên 10.000 chủ thể dữ liệu. Việc đánh giá tập trung vào các yếu tố liên quan đến việc xử lý dữ liệu cá nhân với số lượng lớn có thể gây ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân tương ứng.
	1. Xác định các khía cạnh tác động và vấn đề
	2. Mục tiêu giải quyết vấn đề
	3. Các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân đã áp dụng và đề xuất để giải quyết vấn đề
	4. Đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của biện pháp và các đối tượng khác có liên quan
	5. Kiến nghị biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân lựa chọn
IV	PHỤ LỤC (Liệt kê danh sách tên các tài liệu, chính sách, quy trình, quy định, biểu mẫu kèm theo hồ sơ khai này)

PHẦN B. THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG HOẠT ĐỘNG XỬ LÝ DỮ LIỆU CÁ NHÂN						
I. THÔNG TIN CỦA BÊN KIỂM SOÁT DỮ LIỆU CÁ NHÂN <i>(Kê khai phù hợp với mối quan hệ trong hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân)</i>						
STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mã số thuế	Thông tin Bộ phận/ Nhân sự bảo vệ dữ liệu cá nhân	Hợp đồng/ Thỏa thuận xử lý dữ liệu cá nhân <i>(Số, ngày tháng năm)</i>	Dịch vụ hợp tác	Ghi chú <i>(Lý do, nội dung giải thích)</i>
II. THÔNG TIN CỦA BÊN XỬ LÝ DỮ LIỆU CÁ NHÂN <i>(Kê khai phù hợp với mối quan hệ trong hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân)</i>						
STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mã số thuế	Thông tin Bộ phận/ Nhân sự bảo vệ dữ liệu cá nhân	Hợp đồng/ Thỏa thuận xử lý dữ liệu cá nhân <i>(Số, ngày tháng năm)</i>	Dịch vụ hợp tác	Ghi chú <i>(Lý do, nội dung giải thích)</i>
III. THÔNG TIN CỦA BÊN THỨ BA <i>(Kê khai phù hợp với mối quan hệ trong hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân)</i>						
STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mã số thuế	Thông tin Bộ phận/ Nhân sự bảo vệ dữ liệu cá nhân	Hợp đồng/ Thỏa thuận xử lý dữ liệu cá nhân <i>(Số, ngày tháng năm)</i>	Dịch vụ hợp tác	Ghi chú <i>(Lý do, nội dung giải thích)</i>